

Số: /QĐ-TĐC

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt mẫu phương tiện đo

CHỦ TỊCH
ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA

Căn cứ Luật Đo lường ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2;

Căn cứ Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2;

Căn cứ Thông tư số 03/2024/TT-BKHCN ngày 15 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều tại các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ liên quan đến Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 163/QĐ-BKHCN ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia; Quyết định số 367/QĐ-BKHCN ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ bổ sung nội dung tại một số điều của Quyết định số 163/QĐ-BKHCN ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia; Quyết định số 1120/QĐ-BKHCN ngày 03 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ bổ sung khoản 13 Điều 2 của Quyết định số 163/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia;

Căn cứ Báo cáo tổng hợp kết quả thử nghiệm, đánh giá mẫu phương tiện đo số 1062/BC-KT1 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Đo lường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt 05 mẫu Cột đo xăng dầu có chức năng in gồm các kiểu: NC1112; NC2224; NC1112A; NC2224A; NC2444, do Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nguyên Cường (địa chỉ trụ sở chính: 307 đường 9A, khu dân cư Trung Sơn, Ấp 46, xã Bình Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh; Điện thoại: 028.35359690) sản xuất có đặc tính kỹ thuật đo lường chính ghi trong Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Phương tiện đo sản xuất theo mẫu nêu tại Điều 1 phải mang ký hiệu phê duyệt mẫu như sau:

STT	Kiểu	Ký hiệu phê duyệt mẫu
1	NC1112	PDM 3003-2025
2	NC2224	PDM 3004-2025
3	NC2444	PDM 3005-2025
4	NC1112A	PDM 3006-2025
5	NC2224A	PDM 3007-2025

Điều 3. Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nguyên Cường chịu trách nhiệm:

1. Sản xuất phương tiện đo phù hợp với mẫu đã được phê duyệt; thực hiện các biện pháp ngăn ngừa, phòng chống sự can thiệp làm thay đổi đặc tính kỹ thuật đo lường chính của phương tiện đo trong quá trình sử dụng.

2. Thực hiện việc kiểm định ban đầu đối với phương tiện đo theo quy định.

Điều 4. Định kỳ hằng năm, trước ngày 31 tháng 3, đề nghị Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nguyên Cường báo cáo hoạt động sản xuất phương tiện đo về Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực đến hết ngày 30 tháng 7 năm 2035.

Điều 6. Chánh Văn phòng, Trưởng ban Ban đo lường, Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1, Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nguyên Cường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Chủ tịch Hà Minh Hiệp (để b/c);
- P. Chủ tịch Trần Hậu Ngọc;
- Sở KH&CN TP. Hồ Chí Minh;
- Chi cục TCĐLCL TP. Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, ĐL.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Hậu Ngọc

Phụ lục
ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT ĐO LƯỜNG CHÍNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TĐC ngày tháng năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia)

I. Đặc tính kỹ thuật chính của 01 mẫu Cột đo xăng dầu có chức năng in, kiểu: NC1112

Số lượng bộ chỉ thị điện tử	Số lượng buồng bơm	Số lượng bầu lường	Số lượng mặt hiển thị	Số lượng vòi bơm	Số lượng bộ phát xung
01	01	01	02	01	01

1. Phạm vi lưu lượng:

- Lưu lượng lớn nhất ($Q_{\max}$): 50 L/min;
- Lưu lượng nhỏ nhất ($Q_{\min}$): 5 L/min.

2. Lượng đo tối thiểu ($V_{\min}$): 5 L.

3. Cấp chính xác: 0,5.

4. Bộ chỉ thị điện tử gồm:

- Board mạch chính ký hiệu Humanentec (Hàn Quốc) sản xuất, IC chương trình ký hiệu ESP32-C6 gắn trên bo mạch chính.

- Bảng mạch hiển thị có ký hiệu 4C2361-1, do hãng SHIBATA Co., Ltd. (Nhật Bản) sản xuất:

- + Hiển thị tinh thể lỏng LCD;
- + Dải hiển thị đơn giá 05 số: (0 ÷ 99 999) Đồng/L;
- + Dải hiển thị lít một lần bơm 07 số: (0 ÷ 9 999 999) L;
- + Dải hiển thị số tiền một lần bơm 07 số: (0 ÷ 9 999 999) Đồng.

5. Chế độ bơm: tự do hoặc cài đặt trước theo số tiền/số lít.

6. Bộ phát xung:

- Ký hiệu 4C2147-1, do hãng SHIBATA Co., Ltd. (Nhật Bản) sản xuất;
- Số xung: 100 xung/1 vòng quay trục bầu lường;
- Cấp truyền tín hiệu xung lên CPU gồm 4 dây dẫn, là cáp liền không có mối nối hoặc rẽ nhánh.

7. Buồng bơm và bầu lường:

- Bầu lường: do hãng SHIBATA Co., Ltd. (Nhật Bản) sản xuất:
 - + Kiểu 4 piston đối xứng, điều chỉnh cơ khí;
 - + Thể tích vòng quay trục bầu lường: 0,5 L/1 vòng quay.
- Buồng bơm: do hãng SHIBATA Co., Ltd. (Nhật Bản) sản xuất:
 - + Có tách khí, van hồi lưu, lọc đường hút, van 1 chiều.

II. Đặc tính kỹ thuật chính của 01 mẫu Cột đo xăng dầu có chức năng in, kiểu: NC2224

Số lượng bộ chỉ thị điện tử	Số lượng buồng bơm	Số lượng bầu lường	Số lượng mặt hiển thị	Số lượng vòi bơm	Số lượng bộ phát xung
02	02	02	04	02	02

1. Phạm vi lưu lượng:

- Lưu lượng lớn nhất ($Q_{\max}$): 50 L/min;
- Lưu lượng nhỏ nhất ($Q_{\min}$): 5 L/min.

2. Lượng đo tối thiểu ($V_{\min}$): 5 L.

3. Cấp chính xác: 0,5.

4. Bộ chỉ thị điện tử gồm:

- Board mạch chính ký hiệu Humanentec (Hàn Quốc) sản xuất, IC chương trình ký hiệu ESP32-C6 gắn trên bo mạch chính.

- Bảng mạch hiển thị có ký hiệu 4C2361-1, do hãng SHIBATA Co., Ltd. (Nhật Bản) sản xuất:

- + Hiển thị tinh thể lỏng LCD;
- + Dải hiển thị đơn giá 05 số: (0 ÷ 99 999) Đồng/L;
- + Dải hiển thị lít một lần bơm 07 số: (0 ÷ 9 999 999) L;
- + Dải hiển thị số tiền một lần bơm 07 số: (0 ÷ 9 999 999) Đồng.

5. Chế độ bơm: tự do hoặc cài đặt trước theo số tiền/số lít.

6. Bộ phát xung:

- Ký hiệu 4C2147-1, do hãng SHIBATA Co., Ltd. (Nhật Bản) sản xuất;
- Số xung: 100 xung/1 vòng quay trục bầu lường;
- Cáp truyền tín hiệu xung lên CPU gồm 4 dây dẫn, là cáp liền không có mối nối hoặc rẽ nhánh.

7. Buồng bơm và bầu lường:

- Bầu lường: do hãng SHIBATA Co., Ltd. (Nhật Bản) sản xuất:
 - + Kiểu 4 piston đối xứng, điều chỉnh cơ khí;
 - + Thể tích vòng quay trục bầu lường: 0,5 L/1 vòng quay.
- Buồng bơm: do hãng SHIBATA Co., Ltd. (Nhật Bản) sản xuất:
 - + Có tách khí, van hồi lưu, lọc đường hút, van 1 chiều.

III. Đặc tính kỹ thuật chính của 01 mẫu Cột đo xăng dầu có chức năng in, kiểu: NC2444

Số lượng bộ chỉ thị điện tử	Số lượng buồng bơm	Số lượng bầu lường	Số lượng mặt hiển thị	Số lượng vòi bơm	Số lượng bộ phát xung
04	02	04	04	04	04

1. Phạm vi lưu lượng:

- Lưu lượng lớn nhất ($Q_{\max}$): 50 L/min;
- Lưu lượng nhỏ nhất ($Q_{\min}$): 5 L/min.

2. Lượng đo tối thiểu ($V_{\min}$): 5 L.

3. Cấp chính xác: 0,5.

4. Bộ chỉ thị điện tử gồm:

- Board mạch chính ký hiệu Humanentec (Hàn Quốc) sản xuất, IC chương trình ký hiệu ESP32-C6 gắn trên bo mạch chính.

- Bảng mạch hiển thị có ký hiệu 4C2361-1, do hãng SHIBATA Co., Ltd. (Nhật Bản) sản xuất:

- + Hiển thị tinh thể lỏng LCD;
- + Dải hiển thị đơn giá 05 số: $(0 \div 99\,999)$ Đồng/L;
- + Dải hiển thị lít một lần bơm 07 số: $(0 \div 9\,999\,999)$ L;
- + Dải hiển thị số tiền một lần bơm 07 số: $(0 \div 9\,999\,999)$ Đồng.

5. Chế độ bơm: tự do hoặc cài đặt trước theo số tiền/số lít.

6. Bộ phát xung:

- Ký hiệu 4C2147-1, do hãng SHIBATA Co., Ltd. (Nhật Bản) sản xuất;
- Số xung: 100 xung/1 vòng quay trục bầu lường;
- Cấp truyền tính hiệu xung lên CPU gồm 4 dây dẫn, là cáp liền không có mối nối hoặc rẽ nhánh.

7. Buồng bơm và bầu lường:

- Bầu lường: do hãng SHIBATA Co., Ltd. (Nhật Bản) sản xuất:
 - + Kiểu 4 piston đối xứng, điều chỉnh cơ khí;
 - + Thể tích vòng quay trục bầu lường: 0,5 L/1 vòng quay.
- Buồng bơm: do hãng SHIBATA Co., Ltd. (Nhật Bản) sản xuất:
 - + Có tách khí, van hồi lưu, lọc đường hút, van 1 chiều.

IV. Đặc tính kỹ thuật chính của 01 mẫu Cột đo xăng dầu có chức năng in, kiểu: NC1112A

Số lượng bộ chỉ thị điện tử	Số lượng buồng bơm	Số lượng bầu lường	Số lượng mặt hiển thị	Số lượng vòi bơm	Số lượng bộ phát xung
01	01	01	02	01	01

1. Phạm vi lưu lượng:

- Lưu lượng lớn nhất ($Q_{\max}$): 60 L/min;
- Lưu lượng nhỏ nhất ($Q_{\min}$): 5 L/min.

2. Lượng đo tối thiểu ($V_{\min}$): 2 L.

3. Cấp chính xác: 0,5.

4. Bộ chỉ thị điện tử gồm:

- Board mạch chính ký hiệu Humanentec (Hàn Quốc) sản xuất, IC chương trình ký hiệu ESP32-C6 gắn trên bo mạch chính.

- Bảng mạch hiển thị có ký hiệu 4C2361-1, do hãng SHIBATA Co., Ltd. (Nhật Bản) sản xuất:

- + Hiển thị tinh thể lỏng LCD;
- + Dải hiển thị đơn giá 05 số: (0 ÷ 99 999) Đồng/L;
- + Dải hiển thị lít một lần bơm 07 số: (0 ÷ 9 999 999) L;
- + Dải hiển thị số tiền một lần bơm 07 số: (0 ÷ 9 999 999) Đồng.

5. Chế độ bơm: tự do hoặc cài đặt trước theo số tiền/số lít.

6. Bộ phát xung:

- Ký hiệu 4C2147-1, do hãng SHIBATA Co., Ltd. (Nhật Bản) sản xuất;
- Số xung: 100 xung/1 vòng quay trục bầu lường;
- Cấp truyền tín hiệu xung lên CPU gồm 4 dây dẫn, là cáp liền không có mối nối hoặc rẽ nhánh.

7. Buồng bơm và bầu lường:

- Bầu lường: do hãng SHIBATA Co., Ltd. (Nhật Bản) sản xuất:
 - + Kiểu 4 piston đối xứng, điều chỉnh cơ khí;
 - + Thể tích vòng quay trục bầu lường: 0,5 L/1 vòng quay.
- Buồng bơm: do hãng SHIBATA Co., Ltd. (Nhật Bản) sản xuất:
 - + Có tách khí, van hồi lưu, lọc đường hút, van 1 chiều.

V. Đặc tính kỹ thuật chính của 01 mẫu Cột đo xăng dầu có chức năng in, kiểu: NC2224A

Số lượng bộ chỉ thị điện tử	Số lượng buồng bơm	Số lượng bầu lường	Số lượng mặt hiển thị	Số lượng vòi bơm	Số lượng bộ phát xung
02	02	02	04	02	02

1. Phạm vi lưu lượng:

- Lưu lượng lớn nhất ($Q_{\max}$): 60 L/min;
- Lưu lượng nhỏ nhất ($Q_{\min}$): 5 L/min.

2. Lượng đo tối thiểu ($V_{\min}$): 2 L.

3. Cấp chính xác: 0,5.

4. Bộ chỉ thị điện tử gồm:

- Board mạch chính ký hiệu Humanentec (Hàn Quốc) sản xuất, IC chương trình ký hiệu ESP32-C6 gắn trên bo mạch chính.

- Bảng mạch hiển thị có ký hiệu 4C2361-1, do hãng SHIBATA Co., Ltd. (Nhật Bản) sản xuất:

- + Hiển thị tinh thể lỏng LCD;
- + Dải hiển thị đơn giá 05 số: (0 ÷ 99 999) Đồng/L;
- + Dải hiển thị lít một lần bơm 07 số: (0 ÷ 9 999 999) L;
- + Dải hiển thị số tiền một lần bơm 07 số: (0 ÷ 9 999 999) Đồng.

5. Chế độ bơm: tự do hoặc cài đặt trước theo số tiền/số lít.

6. Bộ phát xung:

- Ký hiệu 4C2147-1, do hãng SHIBATA Co., Ltd. (Nhật Bản) sản xuất;
- Số xung: 100 xung/1 vòng quay trục bầu lường;
- Cấp truyền tính hiệu xung lên CPU gồm 4 dây dẫn, là cáp liền không có mối nối hoặc rẽ nhánh.

7. Buồng bơm và bầu lường:

- Bầu lường: do hãng SHIBATA Co., Ltd. (Nhật Bản) sản xuất:
 - + Kiểu 4 piston đối xứng, điều chỉnh cơ khí;
 - + Thể tích vòng quay trục bầu lường: 0,5 L/1 vòng quay.
- Buồng bơm: do hãng SHIBATA Co., Ltd. (Nhật Bản) sản xuất:
 - + Có tách khí, van hồi lưu, lọc đường hút, van 1 chiều./.